TÒA ÁN ND HUYỆN THÁI THỤY **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TỈNH THÁI BÌNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 06/2021/HS-ST

Ngày 21/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy - Thư ký Toà án ND huyện Thái Thụy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 1 năm 2021, đối với:

Phạm Văn L, sinh ngày: 18/5/19xx;

Nơi sinh, nơi cư trú: thôn A, xã TL, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 07/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do:

Cha đẻ: Phạm Đình B, sinh năm 1938 (đã chết) và bà Bùi Thị N, sinh năm 1944

Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1975

Đều trú tại thôn A, xã TL, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Bị cáo có 06 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã TL, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình từ ngày 04/11/2020 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên Tòa.

2.2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Văn T, sinh năm 1974
- Chị Phạm Thị N, sinh năm 1975

Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố Mai Diêm, thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975

Trú tại: Thôn A, xã TL, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Tại phiên tòa có mặt bị cáo, chị H; anh T, chị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 25/5/2018 đến ngày 31/5/2020, Phạm Văn L lợi dụng việc anh Trần Văn T và chị Phạm Thị N có nhu cầu vay tiền để sản xuất kinh doanh, nên đã có hành vi sử dụng số tiền 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng) là tiền tiết kiệm của hai vợ chồng cho anh T, chị N vay với mức lãi suất cho vay từ 3.000 đồng đến 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1ngày, tương đương mức lãi suất 109,5%/1 năm đến 146%/1 năm, vượt quá 5 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Thời hạn vay tiền, trả tiền được quy định cụ thể ngày vay, ngày trả tiền và tiền lãi trả cùng với tiền gốc khi đến cuối thời hạn vay. L là người trực tiếp cho vay, thu tiền gốc, tiền lãi của anh T, chị N. Khi cho vay L không bàn bạc với vợ là chị Nguyễn Thị H và chị H không biết, không chứng kiến việc L cho vay tiền lấy lãi cao. Các lần Phạm Văn L cho vay lãi nặng và thu lợi bất chính được xác định như sau:

1. Giao dịch với anh Trần Văn T:

- *Lần 1:* Ngày 25/5/2018 L cho anh T vay số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) với lãi suất vay 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương với lãi suất 109,5% /1 năm. Đến hạn (ngày 25/6/2018) anh T đã trả hết số tiền gốc là 120.000.000 đồng và 10.800.000 đồng (Mười triệu tám trăm nghìn đồng) tiền lãi trên số ngày vay là 30 ngày. Như vậy số tiền tính theo lãi suất 20% là 1.972.602 đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm linh hai đồng). Số tiền L thu lợi bất chính là 8.827.398 đồng (Tám triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi tám đồng).

- *Lần 2:* Ngày 05/7/2018 L cho anh T vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), với lãi suất vay 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương với lãi suất 109,5% /1 năm; đến hạn (ngày 05/8/2018) anh T đã trả hết số tiền gốc là 100.000.000 đồng và 9.000.000 đồng tiền lãi trên số ngày vay là 30 ngày. Như vậy số tiền tính theo lãi suất 20% là 1.643.835 đồng (Một triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi năm đồng). Số tiền L thu lợi bất chính là 7.356.165 đồng (Bảy triệu ba trăm lăm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng).

- *Lần 3:* Ngày 05/4/2019 L cho anh T vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), với lãi suất vay 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương với lãi suất 109,5% /1 năm; đến hạn (ngày 05/5/2019) anh T đã trả hết số tiền gốc là 50.000.000 đồng và 4.500.000 đồng tiền lãi trên số ngày vay là 30 ngày. Như vậy số

tiền tính theo lãi suất 20% là 821.917 đồng (Tám trăm hai mươi mốt nghìn chín trăm mười bẩy đồng). Số tiền L thu lợi bất chính là 3.678.083 đồng (Ba triệu sáu trăm bẩy mươi tám nghìn không trăm tám mươi ba đồng).

- *Lần 4:* Ngày 04/7/2019 L cho anh T vay số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), với lãi suất vay 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương với lãi suất 109,5% /1 năm; đến hạn (ngày 04/8/2019) anh T đã trả hết số tiền gốc là 80.000.000 đồng và 7.200.000 đồng tiền lãi trên số ngày vay là 30 ngày. Như vậy số tiền tính theo lãi suất 20% là 1.315.068 (Một triệu ba trăm mười năm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng). Số tiền L thu lợi bất chính là 5.884.932 đồng (Năm triệu tám trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai đồng).

- *Lần 5:* Ngày 30/11/2019 L cho anh T vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), với lãi suất vay 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương với lãi suất 109,5% /1 năm; đến hạn (ngày 30/12/2019) anh T đã trả hết số tiền gốc là 100.000.000 đồng và 9.000.000 đồng tiền lãi trên số ngày vay là 30 ngày. Như vậy số tiền tính theo lãi suất 20% là 1.643.835 đồng (Một triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi năm đồng). Số tiền L thu lợi bất chính là 7.356.165 đồng (Bảy triệu ba trăm lăm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng).

- *Lần 6:* Ngày 30/12/2019 L cho anh T vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), với lãi suất vay 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương với lãi suất 109,5% /1 năm; đến hạn (ngày 30/01/2020) anh T đã trả hết số tiền gốc là 200.000.000 đồng và 18.000.000 đồng tiền lãi trên số ngày vay là 30 ngày. Như vậy số tiền tính theo lãi suất 20% là 3.287.671 đồng (Ba triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mốt đồng). Số tiền L thu lợi bất chính là 14.712.329 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng).

- *Lần 7:* Ngày 24/4/2020 L cho anh T vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), với lãi suất vay 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương với lãi suất 109,5% /1 năm; đến hạn (ngày 04/5/2020) anh T đã trả hết số tiền gốc 200.000.000 đồng và 6.000.000 đồng tiền lãi trên số ngày vay là 10 ngày. Như vậy số tiền tính theo lãi suất 20% là 1.095.890 đồng. Số tiền L thu lợi bất chính là 4.904.110 đồng (Bốn triệu chín trăm linh bốn nghìn một trăm mười đồng).

Tổng số tiền mà Phạm Văn L cho anh Trần Văn T vay từ ngày 25/5/2018 đến ngày 24/4/2020 là 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng), tổng số tiền lãi thu được là 64.500.000 đồng (Sáu tư triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền tính theo lãi suất 20% là 11.780.818 đồng (mười một triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm mười tám đồng). Tổng số tiền hưởng lợi bất chính là 52.719.182 đồng (Năm mươi hai triệu bảy trăm mười chín nghìn một trăm tám mươi hai đồng).

2. Giao dịch với chị Phạm Thị N:

- *Lần 1:* Ngày 13/5/2020 L cho chị N vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), với lãi suất vay 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương với lãi suất 146% /1 năm; đến hạn (ngày 13/6/2020) chị N đã trả hết số tiền gốc là 50.000.000 đồng và 6.000.000 đồng tiền lãi trên số ngày vay là 30 ngày. Như vậy số tiền tính theo lãi suất 20% là 821.917 đồng. (tám trăm hai mươi mốt nghìn chín trăm mười bảy đồng). Số tiền L thu lợi bất chính là 5.178.083 đồng (Năm triệu một trăm bảy mươi tám nghìn không tăm tám mươi ba đồng).

- *Lần 2:* Ngày 16/5/2020 L cho chị N vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) với lãi suất vay 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương với lãi suất 146% /1 năm; đến hạn (ngày 26/5/2020) chị N đã trả hết số tiền gốc là 200.000.000 đồng và 8.000.000 đồng tiền lãi trên số ngày vay là 10 ngày. Như vậy số tiền tính theo lãi suất 20% là 1.095.890 đồng (Một triệu không trăm chín mươi năm nghìn tám trăm chín mươi đồng). Số tiền L thu lợi bất chính là 6.904.110 đồng (Sáu triệu chín trăn linh bốn nghìn một trăm mười đồng)

- *Lần 3:* Ngày 31/5/2020 L cho chị N vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), với lãi suất vay 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương với lãi suất 146% /1 năm; đến hạn (ngày 30/6/2020) chị N đã trả hết số tiền gốc là 100.000.000 đồng và 12.000.000 đồng tiền lãi trên số ngày vay là 30 ngày. Như vậy số tiền tính theo lãi suất 20% là 1.643.835 đồng (Một triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi năm đồng). Số tiền L thu lợi bất chính là 10.356.165 đồng (Mười triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng).

Tổng số tiền mà Phạm Văn L cho chị Phạm Thị N vay từ ngày 13/5/2020 đến ngày 31/5/2020 là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), tổng số tiền thu được là 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng). Số tiền theo lãi suất 20% là 3.561.642 đồng (ba triệu năm trăm sáu mươi mốt nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng). Tổng số tiền hưởng lợi bất chính là 22.438.358 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi tám đồng).

Như vậy, tổng số tiền lãi mà Phạm Văn L thu được từ việc cho anh Trần Văn T và chị Phạm Thị N vay tiền là 90.500.000 đồng (Chín mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền tính theo lãi suất 20% là 15.342.460 đồng (Mười năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính là 75.157.540 đồng (Bảy mươi năm triệu một trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi đồng).

Tại bản kết luận giám định số 122/KLGĐ-PC09 ngày 19/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Chữ ký, chữ viết dưới mục "NGƯỜI VAY" trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ ký, chữ viết của Phạm Thị N trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký, viết ra; Chữ ký, chữ viết dưới mục "NGƯỜI VAY" trêm các mẫu cần giám định ký hiệu từ A4 đến

A10 so với chữ ký, chữ viết của Trần Văn T trên các mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 do cùng một người ký, viết ra.

Chị Phạm Thị N và anh Trần Văn T đều có đơn trình bày với nội dung đã được bị cáo trả lại số tiền vượt quá lãi suất 20%/ năm, không có yêu cầu đề nghị gì khác và xin vắng mặt tại phiên Tòa.

Bản cáo trạng số 02/CT-VKSTT ngày 30/12/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố bị cáo Phạm Văn L về tội "Tội cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội " Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 xử phạt bị cáo Phạm Văn L từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

Xác định số tiền gốc 190.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng bị cáo L. Do vợ bị cáo không biết việc bị cáo cho vay lãi nặng nên tịch thu sung quỹ ½ số tiền gốc bằng 95.000.000 đồng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 15.342.460 đồng. Khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, bị cáo còn phải nộp 100.342.460 đồng.

Đối với số tiền lãi vượt quá 20%/ năm bị cáo đã trả lại cho những người liên quan là anh T và chị N nên không đặt ra giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người tham gia tố tụng tại phiên Tòa được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt.

Chị Nguyễn Thị H không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo có 6 con trong đó 4 con chưa thành niên còn đang đi học, mẹ già yếu, vợ không có việc làm để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận: Trong khoảng thời gian từ 25/5/2018 đến 31/5/2020 bị cáo đã thực hiện hành vi sử dụng khoản tiền 190.000.000 đồng của gia đình cho anh Trần Văn T và chị Phạm Thị N vay với lãi suất vay từ 3.000 đồng/1 triệu đồng/ 1 ngày và 4.000 đồng/1 triệu đồng/ 1 ngày tương đương lãi suất 109,5%/ năm đến 146%/ năm. Tổng số tiền lãi mà Phạm Văn L thu lợi bất chính từ việc cho anh T và chị N vay là 75.157.540 đồng. Đơn trình bày và lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Bản kết luận giám định số 122/KLGĐ – PC 09 ngày 19/11/2020; Các giấy vay tiền của chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn T. Đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự của anh T; Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định về lãi suất thì lãi suất các bên thỏa thuận không được vượt quá 20%/ năm. Phạm Văn L đã cho anh T và chị N vay với lãi suất trên 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự an toàn xã hội. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật hình sự. Do đó có đủ căn cứ kết luận bị cáo Phạm Văn L phạm tội "Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm."

[3] Về tính tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Phạm Văn L không có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo và tự nguyện khắc phục hậu quả nộp tiền thu lợi bất chính nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. HĐXX thấy rằng bị cáo lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và phạm tội nhằm mục đích thu lời bất chính nên chỉ cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền sung quỹ nhà nước cũng đủ để răn đe bị cáo và phòng ngừa chung. Mặt khác hoàn cảnh kinh tế bị cáo khó khăn, còn nuôi 4 con chưa thành niên ăn học, mẹ già yếu, vợ không có việc làm nên cần xử phạt bị cáo một mức thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Đối với khoản tiền bị cáo dùng để cho vay 190.000.000 đồng là phương tiện phạm tội. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố, xét xử xác định số tiền trên là tiền tiết kiệm của hai vợ chồng L. Khi cho vay lãi nặng L không bàn bạc gì với chị Nguyễn Thị H là L và chị H cũng không biết việc L cho vay lãi nặng nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước 1/2 số tiền bằng 95.000.000 đồng. Mặt khác việc cơ quan điều tra không xử lý đối với chị H là phù hợp.

[6] Về số tiền thu lợi bất chính: Bị cáo đã trả lại anh T, chị N số tiền lãi vượt quá lãi suất 20%/ năm. Anh T, chị N đều đã có đơn xác nhận việc bị cáo trả lại cho họ tổng số tiền thu lợi bất chính là 75.157.540 đồng nên không đặt ra giải quyết.

[7] Đối với khoản tiền tương ứng lãi suất 20%/ năm mà bị cáo L nhận từ những người vay 15.342.460 là số tiền lãi phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn L phạm tội "Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 35; Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 332, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự. Khoản 2 Điều 136, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Tịch thu sung quỹ nhà nước 1/2 số tiền Phạm Văn L dùng để cho vay nặng lãi là 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng) và khoản tiền tương ứng lãi suất 20%/năm mà bị cáo L nhận từ những người vay 15.342.460 đồng (Mười lăm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi đồng). Tổng cộng là 110.342.460 đồng. Đối trừ số tiền 10.000.000 (Mười triệu đồng) bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007110 ngày 15/01/2021, Phạm Văn L còn phải nộp 100.342.460 đồng (Một trăm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi đồng)

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 21/01/2021. Chị N, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND Thái Thụy;
- Công an Thái Thụy;
- Chi cục THADS Thái Thụy;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã TL;
- Bộ phận HCTP;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Vương